

Số: /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại các tờ trình số ngày tháng năm 2024 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là chiến lược ngành thép) với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xác định ngành thép là ngành công nghiệp nền tảng của quốc gia, là ngành tạo dựng cơ sở vật chất cho kinh tế - xã hội, đóng góp vai trò quan trọng trong cung cấp đầu vào, tư liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp khác, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phát triển ngành sản xuất thép với cơ cấu hợp lý, tốc độ nhanh, hiệu quả, đồng bộ và phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế, từng bước nâng cao vị thế của ngành trên trường thế giới, nâng cao tính độc lập, tự chủ gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Phát huy hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế. Ưu tiên phát triển nội lực của các doanh nghiệp trong nước, đồng thời khuyến khích phát triển khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đầu tư nước ngoài có chọn lọc. Từng bước loại bỏ các cơ sở sản xuất nhỏ với công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

4. Phát triển ngành thép trên cơ sở sử dụng nguồn lực chất lượng cao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới hiện đại, đặc biệt là các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quản lý thăm dò, khai thác, sản xuất và

sử dụng thép, phát triển ngành chế biến, chế tạo cũng như tốc độ đô thị hóa của đất nước.

5. Phát triển hệ thống phân phối thép phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường, điều hành xuất, nhập khẩu hợp lý gắn với sản xuất, tiêu dùng trong nước, đảm bảo quyền tự chủ, tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể, có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

6. Phát triển ngành thép trên cơ sở tăng trưởng xanh, giảm thiểu tối đa gây ô nhiễm cũng như tác động xấu đến môi trường, phát thải cacbon thấp, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm thép nhằm phù hợp với tiêu chuẩn thép thế giới, kết hợp với đa dạng về sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước và tăng nhanh xuất khẩu; bên cạnh đó thúc đẩy chuyển đổi nhanh cơ cấu sản phẩm để từng bước thay thế thép nhập khẩu, đặc biệt là thép hợp kim, các sản phẩm thép các bon thấp và các sản phẩm thép đặc biệt cho ngành chế biến chế tạo. Phát triển ngành thép theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải cacbon thấp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Giai đoạn đến năm 2030:*

+ Tốc độ tăng trưởng ngành thép bình quân hàng năm từ 5%-7%; tiêu thụ từ 270-280kg/người/năm.

+ Công suất sản xuất thép của các nhà máy luyện kim trong nước tăng lên để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, đạt từ 40 đến 45 triệu tấn mỗi năm vào năm 2030.

- *Giai đoạn đến năm 2050:*

+ Ngành thép Việt Nam phát triển hài hòa thân thiện với môi trường, phù hợp với các ngành kinh tế khác; tập trung vào lĩnh vực sản xuất thép có công nghệ hiện đại, chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh để khử cacbon cho nền kinh tế và đóng góp quan trọng vào thực hiện mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

+ Tốc độ tăng trưởng ngành thép bình quân hàng năm xấp xỉ 5%; tiêu thụ 360-370kg/người/năm.

+ Sản lượng thép của Việt Nam vào năm 2050 đạt từ 65 đến 70 triệu tấn.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

- Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn thép nhằm nâng cao chất lượng ngành thép, xây dựng thương hiệu mạnh cho sản phẩm thép và tăng cường thị

phần trên thị trường quốc tế thông qua việc cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng và chiến lược tiếp thị.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nghiên cứu, thí nghiệm và sản xuất những sản phẩm thép đặc biệt, đảm bảo về chất lượng cho sản phẩm thép chế tạo, đóng tàu...

- Cơ bản đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về các loại thép của nền kinh tế trong nước; đặc biệt là lĩnh vực sản xuất thép có giá trị thặng dư cao như: thép hợp kim, thép chế tạo, thép không gỉ... đảm bảo sản phẩm thép HRC cho nội địa, xuất khẩu.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng trưởng xanh, bền vững và cam kết giảm phát thải ngành thép phù hợp với lộ trình và kế hoạch quốc gia.

- Hình thành hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ngành thép đạt tiêu chuẩn nhà cung cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thép hoàn chỉnh.

- Đa dạng hóa nguồn cung quặng sắt, khuyến khích đầu tư vào việc phát triển và khai thác các nguồn quặng sắt mới, bao gồm cả việc nhập khẩu từ các quốc gia khác khi cần thiết, xây dựng các mối quan hệ đối tác đáng tin cậy với các nhà cung cấp quặng sắt trên thị trường quốc tế.

- Xây dựng các liên kết chiến lược và hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản để chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và tài nguyên, từ đó tạo ra sự phát triển bền vững cho ngành công nghiệp thép Việt Nam.

- Ngành thép Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt ngành thép trở thành ngành kinh tế tuần hoàn, có lượng phát thải cacbon thấp, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngành thép phát triển bền vững đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

2. Định hướng cụ thể

2.1. Định hướng phát triển sản xuất

- Xây dựng kế hoạch, chủ động về nguồn cung nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất gang và sắt xộp từ nguồn nguyên liệu quặng sắt trong nước và quặng sắt nhập khẩu để cung cấp phối liệu cho nhà máy luyện thép.

- Sử dụng công nghệ số hóa trong quá trình sản xuất để tăng cường hiệu suất và chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý, khuyến khích tái chế và sử dụng lại các sản phẩm thép để giảm bớt tác động đến môi trường và tăng cường tài nguyên tái sử dụng.

- Định hướng phát triển các sản phẩm thép tập trung 04 nhóm sản phẩm chính sau:

- a) Thép xây dựng: Bao gồm thép dây cuộn, thép thanh trợ lực, thép hình, thép tấm.

- b) Thép ống: Bao gồm ống đen, ống mạ.

- c) Thép cuộn cán nóng HRC, thép cán nguội

- d) Tôn mạ kim loại và sơn phủ màu bao gồm mạ kẽm, mạ màu, hợp kim Al-Zn.

- Định hướng phát triển các doanh nghiệp ngành thép

Phát triển các doanh nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; tiếp tục đầu tư doanh nghiệp có công nghệ mới đảm bảo giảm phát thải khí nhà kính, đáp ứng sản phẩm thép cạnh tranh trong hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng và hiệu suất sản xuất, tăng cường quản lý và ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng vào sản phẩm.

- Định hướng thu hút đầu tư cho phát triển ngành thép

+ Tạo lập môi trường thuận lợi ổn định, minh bạch và công bằng, cơ chế thông thoáng để thu hút đầu tư cho phát triển ngành thép.

+ Thu hút đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ thép theo quy định của pháp luật.

+ Có chính sách ưu đãi bao gồm chính sách thuế hấp dẫn, các biện pháp khác để kích thích đầu tư vào ngành công nghiệp thép.

- Định hướng phát triển các doanh nghiệp ngành thép

Phát triển các doanh nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; tiếp tục đầu tư doanh nghiệp có công nghệ mới đảm bảo giảm phát thải khí nhà kính, đáp ứng sản phẩm thép cạnh tranh về cacbon trong hội nhập quốc tế.

- Định hướng thu hút đầu tư cho phát triển ngành thép

Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế thông thoáng trong đầu tư để thu hút đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ thép theo quy định của pháp luật.

2.2. Định hướng phát triển thị trường tiêu thụ thép

- Định hướng phát triển thị trường trong nước

+ Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ trong nước trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các sản phẩm thép đáp ứng nhu cầu cho xây dựng, chế biến chế tạo.

+ Xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp trên các vùng trong cả nước tạo thuận lợi cho việc cung ứng sản phẩm nhanh và ổn định nguồn cung.

+ Đẩy mạnh công tác cập nhật dữ liệu thông tin về thị trường, tạo thương hiệu thép Việt Nam. Áp dụng công nghệ số, sử dụng các chiến lược tiếp thị số vào quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

- Định hướng phát triển thị trường xuất, nhập khẩu

+ Phân tích, dự báo đánh giá thị trường thép thế giới để xác định thị trường tiềm năng cho thép của Việt Nam xuất khẩu, tìm kiếm các nguồn thép phù hợp để nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước. Tìm kiếm và mở rộng các thị trường xuất khẩu mới bên cạnh việc tăng cường hiện diện ở các thị trường đã có truyền thống.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường thép thế giới để bảo đảm hiệu quả công tác phát triển thị trường nhằm kịp thời điều chỉnh sản xuất, cân đối tiêu thụ nội địa và xuất khẩu thép.

+ Tuân thủ các quy định về thương mại quốc tế và quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định về thương mại quốc tế và các tiêu chuẩn chất lượng để tránh rủi ro pháp lý và tăng cường uy tín thương mại. Xây dựng các chính sách về giải pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép phù hợp với các quy định thương mại và luật pháp quốc tế. Nghiên cứu, xây dựng đề ra những chính sách khuyến khích và chế độ bảo hộ thép trong nước.

2.3. Định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm và doanh nghiệp ngành thép

- Nghiên cứu, xây dựng ban hành các chính sách kiểm soát xuất khẩu đối với các loại thép trong nước đang có nhu cầu. Phát triển doanh nghiệp mới có đủ năng lực sản xuất thép chế biến, chế tạo. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án sản xuất thép đã đầu tư sớm đi vào hoạt động.

- Đảm bảo chất lượng thép trong nước, ổn định giá sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và vận chuyển, tạo nhiều sản phẩm phù hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh giữa doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm từ việc sử dụng nguyên liệu đến quá trình sản xuất và chế biến cuối cùng, đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của thị trường.

- Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại trong quá trình sản xuất để tăng cường hiệu suất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng kiểm soát và quản lý quy trình sản xuất thép.

- Tiếp tục phát triển thị trường sản phẩm đa dạng, hỗ trợ thương mại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh cho sản phẩm nhằm tạo đột phá trong doanh nghiệp.

2.4. Định hướng phát triển nguồn nhân lực cho phát triển ngành thép

- Trên cơ sở nhu cầu nhân lực làm trong lĩnh vực thuộc ngành thép, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu về trình độ, chuyên môn cũng như hoàn thiện hệ thống đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành thép đáp ứng được yêu cầu của ngành trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Xây dựng cơ chế để có đãi ngộ thích đáng nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Ban hành chính sách ưu đãi thu hút các chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao ở trong và ngoài nước về làm việc trong ngành thép.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế để phát triển nguồn nhân lực; tăng tỷ lệ nhân lực đủ tiêu chuẩn làm việc tại các cơ sở khai thác, chế biến, chế tạo. Tuyển dụng cán bộ khoa học, quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề từ các trường nghề, trường cao đẳng, đại học uy tín, đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao của ngành.

2.5. Định hướng thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho phát triển ngành thép

- Tạo cơ chế thông thoáng để thu hút đầu tư sản xuất từ mọi thành phần kinh tế. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ tạo thuận lợi cho nhà đầu tư.

- Tạo điều kiện cho hợp tác giữa chính phủ và các doanh nghiệp tư nhân để đầu tư vào các dự án hạ tầng quan trọng như cảng biển, đường sắt và đường bộ để hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu và vận chuyển của ngành thép.

- Đầu tư phát triển công nghệ sản xuất mới hiện đại tiêu tốn ít năng lượng, phát thải CO₂ thấp, nhằm mục tiêu có đủ chứng nhận về cacbon để tham gia vào chuỗi cung thép trên toàn cầu.

- Có các chính sách khuyến khích và ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tiên tiến trong sản xuất thép, áp dụng tự động hóa, IoT và các công nghệ xanh khác để tăng cường hiệu suất và giảm thiểu tác động đến môi trường, thực hiện kế hoạch hành động sản xuất thông minh trong ngành thép, sản xuất thép.

- Phát triển các khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp chuyên ngành dành riêng cho ngành thép, cung cấp cơ sở hạ tầng và tiện ích cần thiết để thu hút các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Dựa vào các doanh nghiệp hàng đầu để thúc đẩy sản xuất hợp tác đa cơ sở và hiện thực hóa việc tối ưu hóa toàn bộ chuỗi cung ứng ngành. Xây dựng một trung tâm dữ liệu lớn cho ngành thép để cải thiện khả năng quản lý.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp và start-up trong lĩnh vực công nghệ thép thông qua cung cấp vốn đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình đào tạo.

2.6. Định hướng phát triển hạ tầng cho phát triển ngành thép

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống năng lượng, đường bộ, đường sắt, cảng biển tại các khu vực tập trung những trung tâm sản xuất thép phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế đất nước.

- Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ số vào quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giảm chi phí đồng bộ từ các để hạ giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, cải thiện mô hình quản lý. Thúc đẩy các hướng các nghiên cứu và triển khai các sản phẩm từ sắt thép thông minh gắn với xây dựng đô thị văn minh, kiến trúc đô thị.

- Xây dựng các tổ hợp luyện kim có quy mô lớn trong đó tập trung vào sản xuất các loại thép chế biến chế tạo có trình độ công nghệ có dung lượng thị trường lớn để bước đầu làm chủ công nghệ sản xuất các loại thép chế biến chế tạo cơ bản.

2.7. Định hướng phân bố không gian cho sản xuất, chế biến thép

- Ưu tiên xây dựng các cụm công nghiệp thép ở các vị trí gần cảng biển và điểm giao thông chính, giúp tiện lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, lựa chọn các khu vực có nguồn nguyên liệu phong phú, giúp giảm thiểu chi phí vận chuyển và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm thép.

- Xây dựng các khu kinh tế đặc biệt hoặc khu vực phát triển công nghiệp hỗn hợp, kết hợp sản xuất thép với các ngành công nghiệp khác như ô tô, xây dựng và công nghiệp chế biến kim loại khác.

- Xây dựng trung tâm thép lớn của cả nước: Khu Kinh tế Dung Quất - Quảng Ngãi; Khu Kinh tế Vũng Áng - Hà Tĩnh; Khu Công nghiệp Bà Rịa- Vũng Tàu; Khu Công nghiệp Cảng Cát Lái; Khu Công nghiệp Long An, v.v gắn liền với hệ thống cảng biển nước sâu, đường sắt và đường bộ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển ngành thép

- Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các chính sách trong phát triển ngành thép; Bảo hộ ngành, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, các chính sách hỗ trợ đầu tư và kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư theo hướng đơn giản, giảm thiểu thủ tục hành chính và chính sách đặc thù ngành.

- Nghiên cứu bổ sung tiêu chuẩn quốc gia (TCQG) đối với các sản phẩm ngành thép; tôn mạ, tôn phủ màu, thép hợp kim. Đồng thời, hướng dẫn quy trình tham gia xây dựng tiêu chuẩn của các Cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội, Doanh nghiệp để đưa ra tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp nhằm bảo đảm công tác thăm dò, khai thác nguồn nguyên liệu sản xuất, hình thành lên thép như quặng sắt, cacbon, than, vật liệu chịu lửa và năng lượng... với mục đích khai thác tối đa nguồn tài nguyên trong nước, bảo đảm an toàn và thân thiện môi trường. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác để đẩy nhanh tiến độ khai thác các mỏ quặng sắt lớn

- Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác để đẩy nhanh tiến độ khai thác các mỏ quặng sắt lớn ở các địa phương; Thái Nguyên, Cao Bằng, Lào Cai, Hà Tĩnh... Kịp thời đưa ra chính sách phù hợp để tạo điều kiện cho các đơn vị ngành thép trong việc giải phóng mặt bằng, ổn định tái định cư, tạo công ăn việc làm nhằm khai thác tối đa lợi thế về tài nguyên, nguyên liệu cho phát triển ngành.

- Xây dựng chính sách về đầu tư phát triển hạ tầng, hệ thống logistics phục vụ nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu để sản xuất thép trong nước, xuất khẩu các sản phẩm thép. Phát huy tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài một cách hiệu quả. Tăng cường phân công, phân cấp quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực sản xuất thép, giải quyết kịp thời những vướng mắc và rào cản về chính sách, luật pháp.

2. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thép

- Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu sản phẩm thông qua chất lượng cao, đa dạng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về chủng loại sử dụng thép trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế.

- Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, kết nối giữa nhà sản xuất

với nhà phân phối thông qua đầu mối cung cấp sản phẩm, có đầy đủ các kho bãi đảm bảo tiêu chuẩn chứa lưu để tiếp cận với nhà tiêu thụ sản phẩm nhanh chóng, thuận lợi.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại thông qua hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng mang nhãn mác, thương hiệu của Việt Nam đến nhà tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, nhu cầu sản phẩm, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các rào cản kỹ thuật, thuế quan,... để nhà quản lý, doanh nghiệp định hướng cho sản xuất.

- Đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, trong đó đặc biệt quan tâm đến thị trường trọng điểm của ngành thép, tiếp tục tìm kiếm, khai thác các thị trường mới, có lợi thế về chủng loại, chất lượng, ngành thép có thể đáp ứng.

- Khám phá và mở rộng thị trường xuất khẩu mới cho sản phẩm thép Việt Nam thông qua việc tăng cường quan hệ thương mại và tiếp thị, cũng như tham gia vào các triển lãm và hội chợ quốc tế.

- Xây dựng các mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong chuỗi cung ứng, bao gồm cả nhà cung cấp nguyên liệu và khách hàng cuối cùng, để tối ưu hóa dòng chảy vật liệu và thông tin.

- Đầu tư quảng bá và tiếp thị để xây dựng thương hiệu mạnh mẽ cho sản phẩm thép Việt Nam trên thị trường nội địa và quốc tế, bao gồm cả việc tạo ra các chiến dịch quảng cáo và sự kiện truyền thông.

- Tăng cường tích hợp giá trị trong chuỗi cung ứng bằng cách sản xuất và cung cấp các sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao, từ các sản phẩm tùy chỉnh đến các dịch vụ kỹ thuật và tư vấn kỹ thuật.

3. Thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho ngành thép

- Đẩy mạnh cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trong ngành thép để đa dạng hoá sở hữu nguồn vốn và huy động vốn từ các cổ đông. Khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần trong ngành thép thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán và phát hành cổ phiếu thu hút vốn đầu tư gián tiếp.

- Xây dựng và ban hành các quy định phù hợp liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư nhằm hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn của các thành phần kinh tế khác trong nước bằng việc đa dạng hóa hình thức đầu tư, đẩy

manh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài; cải cách thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án.

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn khác từ nước ngoài, bao gồm: vốn viện trợ phát triển chính thức ưu đãi, viện trợ phát triển chính thức không ưu đãi, vay thương mại nước ngoài.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, đa dạng hoá các hình thức đầu tư, cải cách các thủ tục hành chính để phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư. Huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư một số dự án trọng điểm và có hiệu quả cao; xây dựng danh mục các dự án để kêu gọi đầu tư.

- Đa dạng hoá đầu tư các dự án về cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành thép theo hình thức PPP, BOT, BT, BO...

- Thay thế các thiết bị, công nghệ sản xuất cũ; tiếp nhận - chuyển giao máy móc hiện đại đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đặc biệt trong việc chế tạo sản phẩm, phân tích, kiểm tra, chứng nhận hợp quy, quy chuẩn sản phẩm.

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi thiết bị, công nghệ để nâng cao hiệu suất sử dụng, tiết kiệm nguồn nguyên liệu (than, điện, quặng sắt...) để sản xuất ra thép có giá thành cạnh tranh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, củng cố mối quan hệ khoa học - công nghệ giữa các đơn vị sản xuất với các cơ quan nghiên cứu và phát triển sản phẩm, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật mới áp dụng vào ngành thép.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành thép

- Các doanh nghiệp lập chương trình và kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ và thợ lành nghề. Việc đào tạo phải tiến hành theo phương châm vừa phát triển chiều rộng nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu, các cán bộ nghiên cứu khoa học đầu ngành để chuẩn bị cho phát triển ngành trong tương lai. Kết hợp đào tạo trong nước và ngoài nước.

- Thông qua các dự án đầu tư để đào tạo, tiếp nhận các công nghệ mới, hiện đại. Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

5. Phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu cho sản xuất và chế biến thép

- Phát huy vai trò của cơ chế điều phối phát triển nguồn nguyên liệu sản xuất thép từ nguồn quặng sắt trong nước, tìm kiếm, khai thác triệt để nguồn nguyên liệu quặng sắt, thép phế liệu từ nước ngoài, đặc biệt cần hỗ trợ các dự án quặng sắt trọng điểm; có cơ chế, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp phát triển năng lực thăm dò và khai thác.

- Tăng cường đầu tư vào chuyển đổi công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu toàn diện về tài nguyên các mỏ; thực hiện công tác khai thác thông minh và xanh; tìm kiếm nguồn nguyên phụ trợ sản xuất thép (vật liệu chịu lửa, than luyện cốc, điện cực, quặng kim loại...); bảo đảm ổn định nguồn cung ứng nguyên liệu cho sản xuất trong nước.

- Tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nguồn cung ứng nguyên liệu, bao gồm cả việc ký kết các hiệp định thương mại và hợp tác với các đối tác quốc tế trong việc khai thác và nhập khẩu quặng.

- Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các hoạt động tái chế và tái sử dụng nguyên liệu thép đã qua sử dụng, bao gồm cả việc xây dựng các nhà máy tái chế thép và phát triển công nghệ tái chế tiên tiến.

6. Phát triển chuyển đổi năng lượng, phát triển bền vững và xanh hóa ngành thép

- Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới trong chuyển đổi năng lượng thân thiện môi trường trong quá trình luyện thép nhằm mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

- Khuyến khích đầu tư công nghệ sản xuất thép hiện đại tiêu thụ ít năng lượng, giảm phát thải cacbon; tập trung khai thác nguồn năng lượng tái tạo, khí đốt và hydro sử dụng trong sản xuất thép nhằm mục tiêu phát triển bền vững và xanh hóa ngành thép.

- Kiểm soát tốt nguồn khí thải từ các hoạt động khai thác, sản xuất, chế biến, chế tạo trong qui trình sản xuất; bảo đảm công tác kiểm soát, xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy chuẩn hiện hành. Tăng cường đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở về khí thải và chất lượng môi trường không khí, các công cụ, mô hình dự báo chất lượng không khí.

- Áp dụng công nghệ khai thác, sản xuất thép theo công nghệ hiện đại; chú trọng công nghệ "sản xuất sạch hơn" tại một số đơn vị trọng điểm; đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh những chất thải có tác động tiêu cực cho môi trường bằng việc sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu; kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của ngành, các doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật liên quan về khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường, chứng nhận đảm bảo tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

7. Một số giải pháp cụ thể theo nhóm sản phẩm thép

- Tiếp tục đầu tư công nghệ, thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng nhóm sản phẩm chủ lực; thép xây dựng, HRC, thép cán nguội, tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, ống thép để ổn định tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển công nghệ ứng dụng vật liệu để sản xuất thép cường độ cao, siêu nhẹ sử dụng cho các thiết bị vận tải cho ngành sản xuất xe hơi; thép Giga, thép nhẹ cán nguội, thép có hàm lượng mangan cao cho ngành đóng tàu.

- Nghiên cứu sản xuất thép phục vụ nhu cầu vật liệu thép cho xây dựng hạ tầng năng lượng, bể chứa, đường ống dẫn khí chịu áp lực. Phát triển công nghệ trong nước để sản xuất thép tấm, thép dự ứng lực cho khai thác hầm lò.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan ngang bộ và các địa phương có liên quan triển khai Chiến lược này.

Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành cơ quan liên quan rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong ngành thép quy định nhằm tạo thuận lợi cho phát triển ngành

Theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và 5 năm; Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những đề xuất, kiến nghị các vấn đề phát sinh, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ theo thẩm quyền, bổ sung điều chỉnh chiến lược phù hợp với thực tiễn.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, xây dựng bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm, sử dụng, lưu trữ, vận chuyển thép và lĩnh vực thu giữ sử dụng cacbon phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế.

Xây dựng chương trình khoa học và công nghệ quốc gia nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu về công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng thép; trong đó trọng tâm là sản xuất thép xanh.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến thép.

Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chủ trương đầu tư đối với các dự án sản xuất thép đảm bảo đúng quy hoạch. Xây dựng cơ chế ưu đãi các dự án đầu tư sản xuất thép xanh.

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư khai thác nguyên liệu sản xuất thép ở nước ngoài.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát các chính sách ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế xuất nhập khẩu thép và nguyên liệu sản xuất cho các dự án phát triển thép trong nước và nước ngoài.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các chính sách ưu đãi về đất đai, đối với các dự án sản xuất, chế biến thép trọng điểm theo đúng quy định của pháp luật. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép phù hợp.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, sức khỏe người lao động đối với các dự án sản xuất thép.

6. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, bảo toàn vốn đầu tư, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

7. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai kịp thời các quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp của chiến lược này: chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các nội dung có liên quan đến Chiến lược này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức lựa chọn chủ đầu tư các dự án liên quan đến ngành sản xuất thép, bố trí quỹ đất cho phát triển công trình sản xuất, phân phối thép theo đúng quy hoạch, quy định của pháp luật. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép phù hợp với địa phương.

9. Các Tập đoàn, doanh nghiệp trong ngành thép

Chịu trách nhiệm trong việc thực hiện Chiến lược này; Phát triển các dự án, triển khai sản xuất theo đúng tiến độ. Thực hiện tốt vai trò sản xuất và kinh doanh, cung ứng thép cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Theo thẩm quyền, chức năng được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật, triển khai cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu Văn thư, QHĐP (3).

Phạm Minh Chính